

ĐÃ PHÁT HÀNH ĐIỆN TỬ

Ngày 23 tháng 4 năm 2026

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131/TANDTC-VI

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và trong trường hợp đặc biệt đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đề nghị đặc xá hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù

Thực hiện Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 và Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 của Hội đồng tư vấn đặc xá về việc triển khai thực hiện Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn đối tượng, hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị đặc xá đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đề nghị đặc xá hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG XÉT ĐẶC XÁ

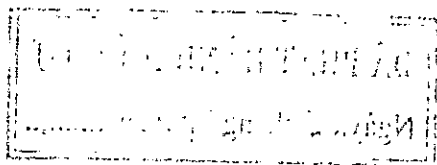
1. Đối tượng được đề nghị đặc xá theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 là người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có đủ các điều kiện sau:

a) Các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026.

b) Là người đang được Tòa án có thẩm quyền quyết định cho tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Hình sự năm 2015 (hoặc Điều 62 Bộ luật Hình sự năm 1999).

c) Người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nơi cư trú rõ ràng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người bị kết án).

d) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của Tòa án có thẩm quyền đối với người bị kết án tính đến ngày **01/6/2026** vẫn đang có hiệu lực thi hành.



2. Đối tượng được xem xét đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026, là người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đặc xá (theo quy định tại khoản 1 mục I Hướng dẫn này) hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù để đáp ứng yêu cầu về đối nội hoặc đối ngoại của Nhà nước khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có văn bản thông báo ý kiến của Chủ tịch nước yêu cầu đặc xá;
- b) Có văn bản của Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế đề nghị đặc xá;
- c) Có văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, các ban Đảng ở Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị đặc xá.

II. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC XÉT ĐẶC XÁ

1. Đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

1.1. Hồ sơ xét đặc xá

Hồ sơ đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được lập theo quy định tại khoản 1 Mục IV Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 của Hội đồng tư vấn đặc xá, bao gồm các tài liệu được sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

a) Phiếu đề nghị xét đặc xá cho người bị kết án (Mẫu số 01)

Phiếu này do Tòa án có thẩm quyền đề nghị đặc xá lập theo đúng các thông tin có trong bản án, tài liệu, hồ sơ của người bị kết án. Trường hợp, nếu nơi về cư trú mà địa danh hành chính đã thay đổi (so với bản án) thì ghi theo địa danh hành chính mới.

b) Đơn đề nghị đặc xá của người bị kết án (Mẫu số 02)

Người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù xin đặc xá phải trực tiếp ký hoặc điểm chỉ vào đơn. Phần lý lịch và các thông tin khác phải viết đúng theo bản án đã tuyên (nếu nơi về cư trú mà địa danh hành chính đã thay đổi thì ghi theo địa danh hành chính mới). Trong đơn xin đặc xá phải có nhận xét của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người bị kết án về việc chấp hành chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tại địa phương, quy định của đơn vị quân đội trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

c) Bản cam kết của người có đơn đề nghị đặc xá (Mẫu số 03)

Người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù xin đặc xá phải cam kết nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương hoặc quy định của đơn vị quân đội được giao quản lý người xin đặc xá và tiếp tục thực hiện các hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự khác của bản án (nếu có) sau khi được đặc xá và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người bị kết án.

d) Bản sao Quyết định thi hành án của người bị kết án.

đ) Bản sao bản án đang phải chấp hành trước khi được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

e) Bản sao quyết định (hoặc các quyết định) tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đối với người bị kết án đang còn hiệu lực tính đến ngày **01/6/2026**.

g) Các văn bản, tài liệu chứng minh đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, nghĩa vụ trả lại tài sản, nghĩa vụ dân sự khác hoặc đã thi hành được một phần nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác nhưng do lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp chưa có điều kiện để thi hành tiếp phần còn lại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự là một trong các loại văn bản, tài liệu được quy định tại điểm g khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 52/2019/NĐ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá và khoản 3 Mục II Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 của Hội đồng tư vấn đặc xá.

h) Tài liệu chứng minh người được đề nghị đặc xá có tiền án, nhưng đã được xóa án tích phải có một trong các giấy tờ sau đây: Giấy chứng nhận hoặc quyết định xóa án tích của Tòa án có thẩm quyền cấp cho người có tiền án được xóa án tích; bản án ghi là đã được xóa án tích; Phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp hoặc cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

i) Đối với trường hợp người bị kết án lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù thì phải có đầy đủ các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2019/NĐ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá.

k) Các tài liệu chứng minh người bị kết án đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thuộc một trong các đối tượng quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 3 Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026.

được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2019/NĐ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đặc xá; khoản 4 Mục II và khoản 1 Mục IV Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 của Hội đồng tư vấn đặc xá.

1.2. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đủ điều kiện được đề nghị đặc xá

Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đủ điều kiện được đề nghị đặc xá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Đặc xá, trong đó:

a) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có trách nhiệm thông báo Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, lập danh sách, hồ sơ của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá gửi Tổ thẩm định liên ngành.

Trường hợp người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cư trú ở địa phương ngoài phạm vi địa giới hành chính của Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ thì Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ có trách nhiệm rà soát, thông báo kịp thời cho Tòa án nhân dân khu vực hoặc Tòa án quân sự khu vực nơi người đang được tạm đình chỉ cư trú lập danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá, chuyển đến Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ để tổng hợp, gửi Tổ thẩm định liên ngành *từ ngày 22/4/2026 đến ngày 02/5/2026*.

Ví dụ 1: Nguyễn Văn T được Tòa án nhân dân tỉnh X ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh X (nơi Nguyễn Văn T cư trú) quản lý. Nếu Nguyễn Văn T có đủ điều kiện được đề nghị đặc xá năm 2026 thì Tòa án nhân dân tỉnh X có trách nhiệm lập hồ sơ, danh sách gửi Tổ thẩm định liên ngành.

Ví dụ 2: Trần Văn C được Tòa án nhân dân tỉnh P ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh N (nơi Trần Văn C cư trú) quản lý. Xã Đ, tỉnh N thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh N. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tỉnh P nếu Trần Văn C có đủ điều kiện được đề nghị đặc xá năm 2026 thì Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh N có trách nhiệm lập hồ sơ, danh sách đề nghị đặc xá cho Trần Văn C rồi chuyển đến Tòa án nhân dân tỉnh P để tổng hợp, gửi Tổ thẩm định liên ngành. *✓*

b) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp về kết quả lập danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá để kiểm sát theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Đặc xá.

Sau khi nhận được kết quả kiểm sát bằng văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu tổng hợp danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá gửi Tổ Thẩm định liên ngành.

c) Phương pháp lập danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá:

Sau khi có ý kiến của Tổ thẩm định liên ngành, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu tổng hợp, lập danh sách, hồ sơ của người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá và danh sách, hồ sơ của người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đặc xá, sắp xếp theo vần thứ tự a, b, c, d,... rồi đóng gộp mỗi loại (gồm loại được đề nghị đặc xá và loại không đủ điều kiện đặc xá) thành từng bộ riêng biệt theo thứ tự trong danh sách, ngoài bìa của bộ hồ sơ có các thông tin về Tòa án lập hồ sơ, trường hợp được đề nghị đặc xá hoặc đề nghị không đặc xá để thuận tiện cho các ủy viên Hội đồng tư vấn đặc xá thẩm tra. Mỗi loại hồ sơ (đề nghị đặc xá hoặc không đề nghị đặc xá) được làm thành 12 bộ, trong đó có 03 bộ dấu đỏ.

Ví dụ 3:

Tòa án nhân dân tỉnh N có 08 trường hợp đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, trong đó Tổ Thẩm định liên ngành đề nghị đặc xá cho 05 trường hợp và đề nghị không đặc xá cho 03 trường hợp, thì sẽ làm như sau:

- Đóng gộp 05 trường hợp được đề nghị đặc xá theo thứ tự vần a, b, c... từ 1 đến 5 và tổng cộng có 12 bộ hồ sơ của 05 trường hợp này; trong 12 bộ hồ sơ này có 03 bộ hồ sơ có dấu đỏ. Bìa ngoài ghi: Tòa án nhân dân tỉnh N; Hồ sơ người đang được tạm đình chỉ đủ điều kiện được đề nghị đặc xá năm 2026; tổng số 05 trường hợp. Ngoài bìa của bộ có dấu đỏ thì ghi "Bộ dấu đỏ" để dễ phân biệt (Mẫu số 07).

- Đóng gộp 03 trường hợp không đủ điều kiện đề nghị đặc xá theo thứ tự vần a, b, c... từ 1 đến 3 và tổng cộng có 12 bộ hồ sơ của 03 trường hợp này; trong 12 bộ hồ sơ này có 03 bộ hồ sơ có dấu đỏ. Bìa ngoài ghi: Tòa án nhân dân tỉnh N; Hồ sơ người đang được tạm đình chỉ không đủ điều kiện được đề nghị đặc xá năm 2026; tổng số 03

03 trường hợp. Ngoài bìa của bộ có dấu đỏ thì ghi "Bộ dấu đỏ" để dễ phân biệt (Mẫu số 8).

d) Hồ sơ, tài liệu đặc xá chuyển về **Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá**, qua Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (Cục C10) Bộ Công an, địa chỉ số 17, ngõ 175 phố Định Công, phường Định Công, thành phố Hà Nội, gồm:

- Hồ sơ đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được lập thành 12 bộ (03 bộ dấu đỏ, 09 bộ photo). Mỗi bộ gồm:

+ Danh sách đề nghị đặc xá do Tòa án lập sau khi có kết quả thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành (Mẫu số 04);

+ Biên bản thẩm định danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá của Tổ thẩm định liên ngành;

+ Văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp kiểm sát về hồ sơ, danh sách do Tòa án cấp tỉnh lập đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

+ Các tài liệu về đặc xá của người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù theo quy định tại tiểu mục 1.1 khoản 1 Mục II Hướng dẫn này được đóng như hướng dẫn tại điểm c khoản này.

- Đối với những trường hợp do Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Tòa án quân sự cấp quân khu lập hồ sơ đề nghị đặc xá mà có kết quả thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành là không đủ điều kiện đề nghị đặc xá, thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu cũng phải lập thành 12 bộ hồ sơ, trong đó có 03 bộ dấu đỏ, 09 bộ photo kèm theo danh sách (Mẫu số 05), biên bản thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành gửi về Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá.

Cách lập hồ sơ, danh sách đối với những trường hợp Tổ thẩm định liên ngành đề nghị không đặc xá cũng tương tự như cách lập hồ sơ, danh sách của những trường hợp được đề nghị đặc xá như trên.

2. Đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt

2.1. Hồ sơ đề nghị đặc xá

Hồ sơ đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đặc xá hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù gồm các biểu mẫu, tài liệu như quy định tại tiểu mục 1.1 khoản

1 Mục II Hướng dẫn này, kèm theo một trong các văn bản được quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Mục I Hướng dẫn này.

2.2. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt

- Khi nhận được văn bản thông báo ý kiến của Chủ tịch nước yêu cầu đặc xá hoặc văn bản đề nghị đặc xá của các cơ quan, tổ chức được nêu tại các điểm b và c khoản 2 Mục I Hướng dẫn này, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm lập hồ sơ, danh sách đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đặc xá hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù thuộc quyền quản lý của Tòa án mình. Phương pháp lập danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá như quy định tại điểm c tiểu mục 1.2 khoản 1 Mục II Hướng dẫn này.

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp về kết quả lập danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt để kiểm sát theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Luật Đặc xá.

Sau khi nhận được kết quả kiểm sát bằng văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu tổng hợp và gửi danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự) trước ngày **10/5/2026** để Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp, xin ý kiến các cơ quan có liên quan, báo cáo Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

3. Quản lý tài liệu, danh sách, hồ sơ đặc xá .

a) Tòa án nhân dân tối cao ban hành các biểu mẫu về đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và trong trường hợp đặc biệt năm 2026 kèm theo Hướng dẫn này (từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 08).

b) Việc quản lý tài liệu, hồ sơ, danh sách và số liệu người được đề nghị xét đặc xá được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Mục IV Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 của Hội đồng tư vấn đặc xá.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Tòa án, đơn vị có liên quan

a) Trách nhiệm của Tòa án quân sự Trung ương và các Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao: 

- Chánh án Tòa án quân sự Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn Tòa án quân sự các cấp thực hiện tốt công tác đặc xá năm 2026 cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù theo đúng Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026; Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá và Hướng dẫn này của Tòa án nhân dân tối cao.

- Chánh Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát, thông báo kịp thời cho Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự), Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá và các trại giam, trại tạm giam biết những phạm nhân đang bị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự (giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến 31/3/2026) theo Công văn số 116/TANDTC-V1 ngày 14/4/2026 của Tòa án nhân dân tối cao.

b) Trách nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu:

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu tổ chức cho các Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự khu vực nghiên cứu, quán triệt, thực hiện nghiêm túc Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026; Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 của Hội đồng tư vấn đặc xá và Hướng dẫn này của Tòa án nhân dân tối cao.

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu chủ động phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát cùng cấp, Tổ thẩm định liên ngành và các cơ quan có liên quan thực hiện tốt công tác đặc xá năm 2026 nhằm đảm bảo các trường hợp đủ điều kiện đặc xá đều phải được lập danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá theo quy định.

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải chịu trách nhiệm trước Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng tư vấn đặc xá và Chính phủ về toàn bộ các công việc liên quan đến công tác đặc xá của địa phương mình. Có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác đặc xá để kịp thời cung cấp cho Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu.

- Ngay sau khi có kết quả thẩm định danh sách, hồ sơ đặc xá của Tổ thẩm định liên ngành, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải gửi ngay danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá và danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều

kiện đặc xá về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự) và gửi bằng file mềm qua địa chỉ hòm thư điện tử (Email): tatc.gdkt1@toaan.gov.vn.

- Trong suốt thời gian thực hiện đặc xá, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải theo dõi chặt chẽ người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá năm 2026. Nếu đối tượng được đề nghị đặc xá chết hoặc thực hiện hành vi phạm tội mới hoặc vi phạm pháp luật hoặc có khiếu nại, tố cáo hoặc có các vấn đề khác có liên quan đến việc đặc xá thì phải báo cáo ngay về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự) để giải quyết.

- Sau khi Tòa án nhân dân tối cao thông báo danh sách người đang được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đặc xá thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu tổ chức triển khai công bố Quyết định đặc xá năm 2026 của Chủ tịch nước tại địa phương mình theo đúng thời gian và thủ tục quy định, đảm bảo ý nghĩa của công tác đặc xá. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu cấp Giấy chứng nhận đặc xá (Mẫu số 07) cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù được đặc xá.

- Trường hợp Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu không có người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá thì cũng phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Tổ Thẩm định liên ngành và Tòa án nhân dân tối cao trong thời gian từ ngày **22/4/2026** đến trước ngày **02/5/2026**.

c) Trách nhiệm của Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự Tòa án nhân dân tối cao:

- Là đơn vị đầu mối của Tòa án nhân dân tối cao thực hiện công tác tham mưu, giúp việc cho đồng chí Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là Ủy viên Hội đồng tư vấn đặc xá năm 2026.

- Có trách nhiệm tiếp nhận danh sách, hồ sơ, tài liệu liên quan đến đặc xá; tham mưu, giúp lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác đặc xá của Tòa án các cấp khi cần thiết; tiếp nhận, xử lý đơn, thư của công dân, các tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến công tác đặc xá của Tòa án nhân dân tối cao.

- Tham mưu, giúp lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao tiến hành tổng kết công tác đặc xá năm 2026. *ik*

d) Tòa án nhân dân tối cao đề nghị các cơ quan, bộ, ngành ở Trung ương và địa phương quan tâm, phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp trong công tác đặc xá năm 2026.

2. Thời gian thực hiện

a) Từ ngày 22/4/2026 đến trước ngày 02/5/2026, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo và tập hợp danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá (nếu có) gửi Tổ Thẩm định liên ngành để kiểm tra, thẩm định hồ sơ, danh sách đề nghị đặc xá.

b) Sau khi có kết quả thẩm định, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm chuyển ngay danh sách, hồ sơ, tài liệu đặc xá theo quy định tại điểm d tiểu mục 1.2 khoản 1 Mục II Hướng dẫn này về **Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá** (qua Cục C10 Bộ Công an, số 17, ngõ 175 phố Định Công, phường Định Công, thành phố Hà Nội) trong thời hạn quy định tại điểm a khoản này.

c) Từ ngày 10/5/2026 đến ngày 20/5/2026, Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá và chuẩn bị hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá, danh sách người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá để trình Hội đồng tư vấn đặc xá và Chính phủ họp, xét duyệt.

3. Khen thưởng, kỷ luật

a) Công tác đặc xá được tổng kết rút kinh nghiệm và thực hiện khen thưởng kịp thời cho những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích theo quy định hiện hành về khen thưởng.

b) Cần phát hiện, ngăn chặn kịp thời những sai sót trong công tác đặc xá để chấn chỉnh ngay; xử lý nghiêm minh những tập thể và cá nhân có hành vi vi phạm Điều 7 Luật Đặc xá. Cơ quan, đơn vị để xảy ra sai sót, tiêu cực, gây phiền hà trong công tác đặc xá thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và pháp luật.

Tòa án nhân dân tối cao đăng tải toàn văn của Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 và Hướng dẫn số 33/HD-HĐTVĐX ngày 11/4/2026 Hội đồng tư vấn đặc xá và Hướng dẫn này (kèm theo các biểu mẫu) trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao và gửi vào hòm thư điện tử của các Tòa án để triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07/4/2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 đối với người đang được tạm đình chỉ chấp

hành án phạt tù và trong trường hợp đặc biệt đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đặc xá hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù nếu có khó khăn, vướng mắc thì Chánh Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực và Chánh án Tòa án quân sự các cấp phải kịp thời phản ánh, báo cáo về Tòa án nhân dân tối cao, qua Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự (đồng chí Nguyễn Thị Bình, Vụ trưởng, số điện thoại 0912.222.508 và đồng chí Đinh Thị Vân Anh, Thẩm tra viên chính, số điện thoại 0868.542.777) để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch nước;
- PTTgTT- Chủ tịch HĐTVĐX;
- Chánh án TANDTC;
- Ban Nội chính TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VKSNDTC;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Tòa án quân sự TW;
- Các Tòa phúc thẩm TANDTC;
- Các TAND cấp tỉnh, khu vực;
- Các TAQS quân khu, khu vực;
- Cục C10 BCA;
- Vụ 8 VKSNDTC;
- Vụ PL VPCTN;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: TkPCA, Vụ GDKT 103b.VA., VP.

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Lê Tiến



TÒA ÁN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/2026/ĐX

....., ngày tháng..... năm 2026

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC XÁ CHO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN
ĐANG ĐƯỢC TẠM ĐÌNH CHỈ CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ¹**

1. Sơ yếu lý lịch người bị kết án được đề nghị đặc xá

Họ và tên:.....; ngày tháng năm sinh:.....Giới tính:

Họ tên khác:

Quê quán:.....

Nơi cư trú:.....

Nơi được tha về:.. ..

Dân tộc:.....; Quốc tịch:.....; Tôn giáo:.....; Trình độ học vấn:

Nghề nghiệp trước khi bị bắt:.....

Tội danh:

Ngày bắt:...../...../.....; Án phạt:.....; Được trừ tạm giam:

Theo Bản án số..... ngày...../...../.....; của TA

Quyết định T.H.A số..... ngày...../...../.....; của TA

Đến Trại giam (trại tạm giam)..... chấp hành án ngày/...../

Quyết định Tạm đình chỉ² T.H.A số.....ngày...../...../.....của TA

Thời gian trốn khỏi nơi giam (nếu có):.....năm.....thángngày;

Đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù:....lần =năm.....tháng....ngày³;

Thời gian đã được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù:.... nămtháng.....ngày⁴;

Thời gian đã thực sự chấp hành án phạt tù: nămtháng.....ngày⁵;

Kết quả xếp loại trong thời gian chấp hành án phạt tù (theo quý, năm):.....⁶;

Thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại:.....năm thángngày;

* Tiền án:.....(ghi rõ thời gian, Tòa án nào xử phạt? Tội danh? Mức án?)

* Tiền sự:

¹ - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt thì ghi “Phiếu đề nghị xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người bị kết án đang được tạm đình chỉ (hoặc hoãn chấp hành án) phạt tù”;

² - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang hoãn CHAPT thì ghi quyết định hoãn CHAPT;

³ - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang hoãn CHAPT thì bỏ mục này;

⁴ - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang hoãn CHAPT thì ghi thời gian được hoãn CHAPT

⁵ - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang hoãn CHAPT thì bỏ mục này;

⁶ - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang hoãn CHAPT thì bỏ mục này;

* Hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc bồi thường dân sự, án phí hình sự, án phí dân sự, tiền truy thu:.....

Hình thức	Số tiền	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Ghi chú

Hình phạt bổ sung khác:.....

* Tóm tắt hành vi phạm tội: (Theo bản án)

.....

2. Tình trạng sức khỏe hiện nay:

3. Tình tiết ưu tiên:

4. Quan hệ gia đình (Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, chỗ ở của bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con):

- Họ và tên bố:; Năm sinh:; Nghề nghiệp:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

- Họ và tên mẹ:; Năm sinh:; Nghề nghiệp:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

- Họ và tên vợ hoặc chồng:.....; Năm sinh:.....; Nghề nghiệp:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

- Họ và tên con:; Năm sinh:; Nghề nghiệp:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

5. Tóm tắt ý kiến nhận xét, đề nghị của cơ sở quản lý bắt buộc chữa bệnh, UBND nơi cư trú (hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý) đối với người được đề nghị đặc xá:.....

6. Ý kiến đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt⁷:.....

7. Ý kiến của Tòa án đề nghị xét đặc xá: Nêu rõ ý kiến của Tòa án (có thẩm quyền lập hồ sơ) có đủ điều kiện đề nghị xét đặc xá không.

CHÁNH ÁN

(Ký tên, đóng dấu)

7. Ý kiến của Tổ Thẩm định liên ngành:⁸

.....

CHUYÊN VIÊN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ - Nếu xét đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ CHAPT thì bỏ mục này.

⁸ - Nếu xét đặc xá trong trường hợp đặc biệt cho người đang được tạm đình chỉ hoặc người đang được hoãn CHAPT thì bỏ mục này;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ

Kính gửi: - Tòa án.....
- Ủy ban nhân dân phường, xã

Họ và tên:(tên gọi khác, nếu có).....; Giới tính:; Năm sinh: ...
Nơi ĐKNKTT trước khi bị bắt:.....
Nơi cư trú hiện nay:.....
Tội danh:.....
Ngày bắt:/...../.....; Mức hình phạt tù:.....
Đã chấp hành án phạt tù tại Trại giam (hoặc Trại tạm giam):.....
Đang được tạm đình chỉ¹ chấp hành án phạt tù theo quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của Tòa án.....
Hình phạt bổ sung là hình phạt tiền hoặc bồi thường dân sự, án phí hình sự, án phí dân sự, tiền truy thu:.....

Hình thức	Số tiền	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Ghi chú

Hình phạt bổ sung khác:.....

Trong thời gian được tạm đình chỉ² chấp hành án phạt tù, tôi luôn nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và quy định của địa phương nơi cư trú (hoặc đơn vị quân đội).

Căn cứ vào đối tượng, điều kiện được đề nghị đặc xá theo Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá, đề nghị Tòa án..... cho tôi được hưởng đặc xá năm 2026.

Nhận xét của UBND xã, phường
(hoặc đơn vị quân đội).....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2026
Người được tạm đình chỉ CHAPT³
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ - Nếu xét đặc xá cho người đang được hoãn CHAPT thì thay cụm từ “tạm đình chỉ CHAPT” bằng “hoãn CHAPT”.
² - Như hướng dẫn tại ghi chú 1.
³ - Như hướng dẫn tại ghi chú 1.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT CỦA NGƯỜI CÓ ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ

Kính gửi: - Tòa án
- UBND xã, phường (hoặc đơn vị quân đội)

Họ và tên:.....(tên gọi khác, nếu có):.....; Giới tính:; Năm sinh:.....

Nơi ĐKNKTT trước khi bị bắt:.....

Nơi cư trú hiện nay:.....

Tội danh:.....

Ngày bắt:../../.....; Mức hình phạt tù:.....

Đã bị tạm giam/ chấp hành án phạt tù tại Trại giam, Trại tạm giam.....năm...tháng...ngày.....

Đang được tạm đình chỉ¹ chấp hành án phạt tù theo quyết định số:.....ngày...tháng...năm...của Tòa án.....

Căn cứ vào đối tượng, điều kiện theo Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá, đề nghị Tòa án..... cho tôi được hưởng đặc xá năm 2026.

Sau khi được đặc xá, tôi xin cam kết:

1. Tiếp tục thực hiện đầy đủ hình phạt bổ sung là hình phạt tiền (hoặc bồi thường dân sự, án phí hình sự, án phí dân sự, tiền truy thu) với số tiền:.....

Thực hiện các hình phạt bổ sung khác (nếu có):.....

2. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương, phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội, không vi phạm pháp luật.

Tôi xin hứa thực hiện đúng nội dung đã cam kết, nếu có gì sai trái, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nhận xét của UBND xã, phường
(hoặc đơn vị quân đội).....

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2026

Người được tạm đình chỉ CHAPT²

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ - Nếu xét đặc xá cho người đang được hoãn CHAPT thì thay cụm từ “tạm đình chỉ CHAPT” bằng “hoãn CHAPT”.

² - Như ghi chú 1.

Mẫu số 04. Danh sách người bị kết án đang được tạm đình chỉ CHAPT đủ điều kiện được đề nghị đặc xá
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 131/TANDTC-V1 ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN...

DANH SÁCH NGƯỜI BỊ KẾT ÁN
ĐANG ĐƯỢC TẠM ĐÌNH CHỈ CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ
(Danh sách này đã được Tổ Thẩm định liên ngành thông qua ngày.../.../....)

Tổng số:người

TT	Họ và tên, năm sinh, giới tính	Nơi đăng ký NKTT	Tội danh	Ngày bắt Án phạt	Đã chấp hành án	Án còn lại	Quyết định tạm đình chỉ số, ngày	Toà án ra quyết định tạm đình chỉ	Tình tiết đặc biệt	Ghi chú

....., ngày tháng năm 2026

CHÁNH ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05. Danh sách người bị kết án đang được tạm đình chỉ CHAPT không đủ điều kiện đề nghị đặc xá
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 131/TANDTC-VI ngày 21/4/2026 của Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN...

**DANH SÁCH NGƯỜI BỊ KẾT ÁN ĐANG ĐƯỢC TẠM ĐÌNH CHỈ
CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TỬ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ**
(Danh sách này đã được Tổ Thẩm định liên ngành thông qua ngày.../.../....)

Tổng số:người

TT	Họ và tên, năm sinh, giới tính	Nơi đăng ký NKTT	Tội danh	Ngày bắt Án phạt	Đã chấp hành án	Án còn lại	Quyết định tạm đình chỉ số, ngày	Toà án ra quyết định tạm đình chỉ	Tình tiết đặc biệt/Lý do không đề nghị đặc xá	Ghi chú

....., ngày tháng năm 2026

CHÁNH ÁN..

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06. Chứng nhận đặc xá
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 131/TANDTC-V1 ngày 21/4/2026 của TANDTC)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/2026/GCNĐX

SỐ HSTHA

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

CHỨNG NHẬN ĐẶC XÁ

Tòa án nhân dân.....;
Căn cứ Điều 18 Luật Đặc xá;
Căn cứ Quyết định đặc xá số ngày/...../.....
của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

CHỨNG NHẬN:

Họ tên:.....sinh năm; Giới tính.....
Họ tên khác:
Quê quán:
Nơi ĐKKHKT:
Họ tên bố:; Họ tên mẹ.....
Dân tộc:; Quốc tịch:
Tội danh:
Ngày bắt:/...../.....; Án phạt:
Theo Bản án số ngày/...../..... của TAND.....
Quyết định thi hành án số ngày...../...../..... của TAND
Quyết định tạm đình chỉ/hoãn CHAPT số ngày...../...../..... của TAND
Được đặc xá kể từ ngày...../...../.....
Về cư trú tại
Hình phạt bổ sung phải tiếp tục chấp hành:
Người được đặc xá phải trình diện tại UBND xã/phường nơi về cư trú trước ngày
...../...../.....

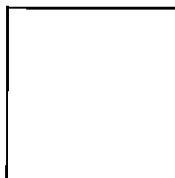
NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lấn tay
của người được cấp giấy
(Ngón trỏ phải)

....., ngày... tháng...năm
CHÁNH ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Người được cấp giấy;
- TANDTC (để báo cáo);
- TA nơi ra QĐ T.H.A (để biết);
- VKS khu vực/tỉnh;
- Công an xã, phường/tỉnh;
- UBND xã/phường (để biết)
- Lưu: HSTHA.VP.



- Lập tại:ngày...../...../.....

TÒA ÁN.....

HỒ SƠ
NGƯỜI ĐANG ĐƯỢC TẠM ĐÌNH CHỈ
ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ NĂM 2026

TỔNG SỐ... TRƯỜNG HỢP

Hồ sơ gồm:

- 1- Danh sách đề nghị đặc xá cho người bị kết án đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù (sắp xếp theo thứ tự a,b,c...);
- 2- Văn bản kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp quân khu;
- 3- Biên bản thẩm định của Tổ Thẩm định liên ngành;
- 4- Hồ sơ đề nghị xét đặc xá của người bị kết án (sắp xếp thứ tự theo danh sách).

(BỘ DẤU ĐỎ)

hoặc (BỘ PHOTO)

TÒA ÁN.....

HỒ SƠ
NGƯỜI ĐANG ĐƯỢC TẠM ĐÌNH CHỈ
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
ĐẶC XÁ NĂM 2026

TỔNG SỐ... TRƯỜNG HỢP

Hồ sơ gồm:

- 1- Danh sách đề nghị không đặc xá cho người bị kết án đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù (sắp xếp theo thứ tự a,b,c...);
- 2- Văn bản kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp quân khu;
- 3- Biên bản thẩm định của Tổ Thẩm định liên ngành;
- 4- Hồ sơ đề nghị xét đặc xá do Tòa án lập (sắp xếp theo thứ tự trong danh sách).

(BỘ DẤU ĐỎ)

hoặc (BỘ PHOTO)



CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 457 /QB-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về đặc xá năm 2026

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đặc xá năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

Thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc đối với người phạm tội bị kết án phạt tù, khuyến khích họ phấn đấu học tập, rèn luyện tiến bộ trở thành người có ích cho xã hội;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 16/TTr-CP ngày 31/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện đặc xá tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhân dịp 51 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/2026), chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Thời gian đã chấp hành án phạt tù để xét đặc xá tính đến ngày 31/5/2026.

Điều 2. Đối tượng đặc xá bao gồm:

Người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người bị kết án tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

Điều 3. Điều kiện được đề nghị đặc xá

1. Người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, người bị kết án tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn được đề nghị đặc xá phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhiều tiền bộ, có ý thức cải tạo tốt và được xếp loại chấp hành án phạt tù khá hoặc tốt theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự, cụ thể như sau: Người bị kết án phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn phải có ít nhất 18 quý liên tục liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên; người bị kết án phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm phải có ít nhất 16 quý liên tục liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên; người bị kết án phạt tù từ trên 10 năm đến 15 năm phải có ít nhất 14 quý liên tục liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên; người bị kết án phạt tù từ trên 08 năm đến 10 năm phải có ít nhất 08 quý liên tục liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên; người bị kết án phạt tù từ trên 05 năm đến 08 năm phải có ít nhất 04 quý liên tục liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên; người bị kết án phạt tù từ trên 03 năm đến 05 năm phải có ít nhất 02 quý liên tục liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên; người bị kết án phạt tù từ 03 năm trở xuống phải có ít nhất 01 quý liên kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá được xếp loại từ khá trở lên.

Tất cả các trường hợp nêu trên phải có thời gian tiếp theo được nhận xét, đánh giá kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù từ khá trở lên.

Những phạm nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thuộc diện bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc bị tạm giữ, tạm giam liên tục cho đến khi đi chấp hành án phạt tù; những phạm nhân quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này nếu không đủ số quý xếp loại chấp hành án phạt tù theo quy định nêu trên do không đủ thời gian xếp loại thì được thiếu quý xếp loại chấp hành án phạt tù nhưng ít nhất phải có 01 quý xếp loại chấp hành án phạt tù từ khá trở lên, cụ thể như sau: Thiếu 01 quý đầu tiên của thời gian liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá (đối với người bị kết án phạt tù từ trên 03 năm đến 05 năm); thiếu 02 quý đầu tiên của thời gian liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá (đối với người bị kết án phạt tù từ trên 05 năm đến 08 năm); thiếu 03 quý đầu tiên của thời gian liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá (đối với người bị kết án phạt tù từ trên 08 năm đến 15 năm); thiếu 04 quý đầu tiên của thời gian liền kề thời điểm xét, đề nghị đặc xá (đối với người bị kết án phạt tù từ trên 15 năm trở lên) thì vẫn được xét, đề nghị đặc xá nếu có đủ các điều kiện khác.

b) Đã chấp hành án phạt tù ít nhất là một phần ba thời gian đối với trường hợp bị phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù; đã chấp hành án phạt tù ít nhất là 14 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, nếu sau khi đã được giảm xuống tù có thời hạn mà tiếp tục được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm sau đó không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù;

Người bị kết án về tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội; tội phá hoại chính sách đoàn kết; tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi

nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân; tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân; người bị kết án từ 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người của Bộ luật Hình sự do cố ý hoặc người bị kết án từ 07 năm tù trở lên về tội cướp tài sản; tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; tội sản xuất trái phép chất ma túy; tội mua bán trái phép chất ma túy; tội chiếm đoạt chất ma túy của Bộ luật Hình sự đã chấp hành án phạt tù ít nhất một phần hai thời gian đối với trường hợp bị kết án phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù; đã chấp hành án phạt tù ít nhất là 17 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, nếu sau khi đã được giảm xuống tù có thời hạn mà tiếp tục được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm sau đó không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù;

c) Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, đã nộp án phí;

d) Đã thi hành xong nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác đối với người bị kết án phạt tù về các tội phạm tham nhũng;

đ) Đã thi hành xong hoặc thi hành được một phần nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác nhưng do lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp chưa có điều kiện thi hành tiếp phần còn lại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự đối với người bị kết án phạt tù về tội phạm không phải là tội phạm tham nhũng;

Trường hợp phải thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác đối với tài sản không thuộc sở hữu của Nhà nước thì phải được người được thi hành án đồng ý hoãn thi hành án hoặc không yêu cầu thi hành án đối với tài sản này;

e) Khi được đặc xá không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự;

g) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt và đủ số kỳ xếp loại chấp hành án phạt tù khá hoặc tốt theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự trong thời gian chấp hành án phạt tù trước khi có quyết định tạm đình chỉ như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đã có thời gian chấp hành án phạt tù quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Các điều kiện quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

3. Người bị kết án phạt tù có thời hạn đã chấp hành ít nhất là một phần tư thời gian và người bị kết án phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn đã chấp hành ít nhất là 12 năm hoặc trường hợp bị kết án về một trong các tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đã chấp hành ít nhất một phần ba thời gian đối với án phạt tù có thời hạn, 15 năm đối với án phạt tù chung thân, nếu có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 1, các điểm a, c và d khoản 2 Điều này thì được đề nghị đặc xá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù, có xác nhận của trại giam, trại tạm giam hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

b) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; người được tặng thưởng danh hiệu Dũng sĩ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người được tặng thưởng một trong các danh hiệu: Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; người được tặng thưởng một trong các loại Huân chương; người được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến; cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng liệt sĩ khi còn nhỏ; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; cha, mẹ, vợ, chồng, con của người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước”;

c) Người đang mắc bệnh hiểm nghèo, người đang ốm đau thường xuyên mà không tự phục vụ bản thân;

d) Khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Người từ đủ 70 tuổi trở lên;

e) Có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và bản thân là lao động duy nhất trong gia đình;

g) Phụ nữ có thai hoặc có con dưới 36 tháng tuổi ở cùng mẹ trong trại giam, trại tạm giam;

h) Người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định của pháp luật về người khuyết tật; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù có đủ điều kiện quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều này hoặc người dưới 18 tuổi đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có đủ điều kiện quy định tại điểm g khoản 1, điểm a và điểm d khoản 2 Điều này được đề nghị đặc xá khi đã chấp hành ít nhất một phần tư thời gian hoặc đã chấp hành được ít nhất một phần ba thời gian đối với trường hợp bị kết án phạt tù về một trong các tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Các trường hợp không được đề nghị đặc xá

Người có đủ điều kiện quy định tại Điều 3 của Quyết định này không được đề nghị đặc xá nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Bị kết án phạt tù về tội phản bội Tổ quốc; tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; tội gián điệp; tội xâm phạm an ninh lãnh thổ; tội bạo loạn; tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân; tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tội phá rối an ninh; tội chống phá cơ sở giam giữ; tội khủng bố hoặc một trong các tội quy định tại Chương các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh của Bộ luật Hình sự.

2. Bản án, phần bản án hoặc quyết định của Tòa án đối với người đó đang bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự.

3. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác.

4. Trước đó đã được đặc xá.

5. Có từ 02 tiền án trở lên hoặc có 01 tiền án mà bị kết án phạt tù về tội do cố ý.

6. Thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 08 năm đối với người được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; trên 10 năm đối với người được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

7. Bị kết án phạt tù về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

8. Phạm tội giết 02 người trở lên hoặc giết người có tổ chức hoặc có tính chất côn đồ hoặc thực hiện tội phạm một cách man rợ; cố ý gây thương tích có tổ chức hoặc có tính chất côn đồ hoặc dùng a-xít nguy hiểm hoặc hóa chất nguy hiểm; hiếp dâm có tính chất loạn luân; hiếp dâm trẻ em (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) hoặc hiếp dâm người dưới 16 tuổi; cưỡng dâm có tính chất loạn luân; cưỡng dâm trẻ em (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) hoặc cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; mua bán phụ nữ thuộc trường hợp phạm tội mua bán nhiều người (theo Bộ luật Hình sự năm 1985) hoặc mua bán người thuộc trường hợp phạm tội đối với nhiều người (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) hoặc mua bán người thuộc trường hợp phạm tội đối với 02 người trở lên; mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) hoặc mua bán người dưới 16 tuổi hoặc đánh tráo người dưới 01 tuổi hoặc chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; cướp tài sản có sử dụng vũ khí; cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) hoặc cướp tài

sản, cưỡng đoạt tài sản, cướp giết tài sản, trộm cắp tài sản có tổ chức hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống người thi hành công vụ gây hậu quả nghiêm trọng (theo Bộ luật Hình sự năm 1999) hoặc có tổ chức hoặc xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

9. Phạm tội cướp tài sản hoặc tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản mà thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 01 năm đối với người bị kết án phạt tù dưới 07 năm hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 02 năm đối với người bị kết án phạt tù từ 07 năm đến 15 năm hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 03 năm đối với người bị kết án phạt tù trên 15 năm, tù chung thân.

10. Phạm tội về ma túy mà thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 06 tháng đối với người bị kết án phạt tù từ 03 năm trở xuống hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 01 năm đối với người bị kết án phạt tù trên 03 năm đến dưới 07 năm hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 02 năm đối với người bị kết án phạt tù từ 07 năm đến 15 năm hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 03 năm đối với người bị kết án phạt tù trên 15 năm, tù chung thân.

11. Phạm một trong các tội quy định tại Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người của Bộ luật Hình sự do cố ý mà thời hạn tù còn lại trên 02 năm đối với người bị kết án phạt tù từ 10 năm đến 15 năm hoặc thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên 03 năm đối với người bị kết án phạt tù trên 15 năm, tù chung thân.

12. Người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy trong vụ án phạm tội có tổ chức; người dùng thủ đoạn xảo quyệt, ngoan cố chống đối trong vụ án phạm tội có tổ chức; người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

13. Có căn cứ khẳng định đã từng sử dụng trái phép chất ma túy.

14. Bị kết án phạt tù do phạm từ ba tội trở lên hoặc phạm từ hai tội do cố ý trở lên, kể cả trường hợp tổng hợp hình phạt; hoặc đang chấp hành hình phạt tổng hợp do bị kết án phạt tù 02 lần trở lên về cùng một tội do cố ý.

15. Ba lần bị kết án phạt tù trở lên về cùng một tội do cố ý.

Điều 5. Đặc xá trong trường hợp đặc biệt

Chính phủ chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập hồ sơ của người được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt theo Điều 22, Điều 23 của Luật Đặc xá để trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Điều 6. Chính phủ chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, mục đích và nội dung của hoạt động đặc xá; chỉ đạo Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các cơ quan khác của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đặc xá theo quy

định của Luật Đặc xá, Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đã ký: Tô Lâm

VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 01 /SY-VPCTN

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2026

KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

Cần Đình Tài

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐẶC XÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/HD-HĐTVĐX

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2026

HƯỚNG DẪN

**Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 457/QĐ-CTN
ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026**

Thực hiện Quyết định số 457/QĐ-CTN ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 - sau đây viết gọn là Quyết định về đặc xá năm 2026, Hội đồng tư vấn đặc xá hướng dẫn cụ thể về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục tiến hành xét đặc xá năm 2026 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG XÉT ĐẶC XÁ

1. Người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam (sau đây gọi là phạm nhân).

2. Người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

II. ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ

Về một số quy định tại Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026, Hội đồng tư vấn đặc xá hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026 là quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 52/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đặc xá (sau đây viết gọn là Nghị định số 52).

Theo quy định tại điểm c, điểm e khoản 1 Điều 18 Nghị định số 118/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự thì xếp loại chấp hành án phạt tù quý I vào ngày cuối cùng của tháng 2. Do đó, tính đến thời điểm các trại giam, trại tạm giam họp xét, đề nghị đặc xá, phạm nhân phải có các quý đã đủ thời gian xếp loại được xếp loại khá hoặc tốt đối với từng mức án và thời gian tiếp theo từ ngày 01 tháng 3 đến ngày Hội đồng họp xét, đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam được nhận xét, đánh giá kết quả chấp hành án phạt tù khá hoặc tốt.

Đối với phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc bị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh đã trở lại trại giam, trại tạm giam, để tiếp tục chấp hành án, ngoài các quý đã đủ thời gian xếp loại đối với từng mức án trong thời gian chấp hành án phạt tù được xếp loại khá hoặc tốt còn phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý trong thời gian được tạm đình chỉ hoặc cơ sở y tế điều trị trong thời gian bị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh xác nhận là trong thời gian được tạm đình chỉ hoặc bị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và quy định của cơ sở y tế.

2. Thời gian đã chấp hành án phạt tù là thời gian bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù trong trại giam, trại tạm giam, không kể thời gian được tại ngoại, được hoãn, tạm đình chỉ và thời gian được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù. Thời gian bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án cũng được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù.

Thời gian được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được tính để trừ vào phần thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại. Ví dụ: Nguyễn Văn A bị kết án 12 (mười hai) năm tù, bị bắt ngày 31 tháng 5 năm 2017, tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2026, Nguyễn Văn A đã thực sự chấp hành được 9 năm, đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù 03 lần, tổng cộng là 02 năm, thì thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại là 01 năm.

3. Đối với quy định về thực hiện hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác:

a) Phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù chưa thực hiện xong hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc nộp án phí nhưng được Tòa án quyết định miễn hình phạt tiền, miễn nộp án phí thì cũng đủ điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026.

b) Phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đã thi hành xong nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026 là một trong các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 52. Ngoài ra, một số trường hợp sau cũng được coi là đã thi hành xong bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác:

- Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải thực hiện xong hoàn toàn nghĩa vụ cấp dưỡng theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc đã thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng 01 lần, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan thi hành án dân sự đang thụ lý vụ việc đó xác nhận. Nếu mới thực hiện được một phần nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng có thỏa thuận, xác nhận của đại diện hợp pháp của người bị

hại hoặc của người được nhận cấp dưỡng về việc không phải tiếp tục thực hiện hoặc không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo bản án, quyết định của Tòa án và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan thi hành án dân sự đang thụ lý vụ việc đó xác nhận thì cũng được coi là đã thực hiện xong nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Trường hợp khi phạm tội là người dưới 18 tuổi quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026 mà trong bản án, quyết định của Tòa án giao trách nhiệm thi hành bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác cho bố, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp thì phải có tài liệu để chứng minh bố, mẹ hoặc người đại diện hợp pháp đã thi hành xong bồi thường thiệt hại hoặc nghĩa vụ dân sự khác, gồm: Các biên lai, hóa đơn, chứng từ thể hiện việc này hoặc Quyết định đình chỉ thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền hoặc văn bản thỏa thuận của người được thi hành án hoặc đại diện hợp pháp của người đó về việc không phải thi hành bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác theo bản án, Quyết định của Tòa án được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan thi hành án dân sự đang thụ lý vụ việc đó xác nhận hoặc các văn bản, tài liệu khác thể hiện việc này.

c) Trường hợp người bị kết án phạt tù đã thi hành được một phần nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác nhưng do lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp chưa có điều kiện thi hành tiếp phần còn lại theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026 là trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 52.

4. Đối với quy định khi được đặc xá không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại điểm e khoản 1 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026, căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

- Nhân thân (quan hệ gia đình, quan hệ xã hội, lịch sử bản thân, tiền án, tiền sự), hoàn cảnh gia đình của phạm nhân, nguy cơ gây ảnh hưởng đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm ở địa phương.

- Nếu được đặc xá có thể gây khiêu khích đông người, biểu tình, gây rối để các thế lực thù địch lợi dụng, lôi kéo, kích động chống phá chính quyền, xuyên tạc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Hành vi phạm tội trước đây nếu được đặc xá sẽ gây hoang mang, lo sợ hoặc phản nộ trong nhân dân.

- Hành vi phạm tội trước đây nếu được đặc xá sẽ gây khó khăn trong việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Khi xét, đề nghị đặc xá, Hội đồng xét, đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam, tổ thẩm định liên ngành, thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá căn cứ

quá trình chấp hành án phạt tù, tài liệu có trong hồ sơ để đánh giá, nhận định việc nếu phạm nhân được đặc xá có thể ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự hay không. Sau khi có kết quả họp của Hội đồng xét, đề nghị đặc xá, các trại giam, trại tạm giam gửi danh sách phạm nhân đủ điều kiện được đề nghị đặc xá về Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá để tổng hợp và đề nghị Công an các địa phương xác minh yếu tố ảnh hưởng đến an ninh, trật tự. Căn cứ kết quả xác minh của Công an các địa phương, Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá tổng hợp, đề xuất Hội đồng tư vấn đặc xá xem xét, quyết định tại phiên họp Hội đồng tư vấn đặc xá.

5. Trường hợp đã lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù, đang mắc bệnh hiểm nghèo, đang ốm đau thường xuyên mà không tự phục vụ bản thân, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và bản thân là lao động duy nhất trong gia đình quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định về đặc xá năm 2026 là các trường hợp được quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 4 Nghị định số 52.

III. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ĐẶC XÁ

Để thực hiện đúng quy định tại Điều 4 Quyết định về đặc xá năm 2026, Hội đồng tư vấn đặc xá hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định về đặc xá năm 2026 là người đang bị khởi tố với vai trò là bị can trong vụ án khác.

2. Căn cứ xác định các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 4 Quyết định về đặc xá năm 2026 là các điểm, khoản, điều trong Bộ luật Hình sự mà Tòa án áp dụng khi quyết định hình phạt.

Đối với trường hợp cướp tài sản có sử dụng vũ khí quy định tại khoản 8 Điều 4 Quyết định về đặc xá năm 2026, ngoài căn cứ nêu trên còn phải căn cứ vào quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ có hiệu lực thi hành tại thời điểm người bị kết án phạt tù phạm tội (Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ) để xác định vật mà người phạm tội sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội có phải là vũ khí hay không.

3. Căn cứ xác định trường hợp phạm tội có tổ chức quy định tại khoản 12 Điều 4 Quyết định về đặc xá năm 2026 là các điểm, khoản, điều trong Bộ luật Hình sự mà Tòa án áp dụng khi quyết định hình phạt. Đối với các trường hợp là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy trong vụ án phạm tội có tổ chức phải căn cứ phân nhận định trong bản án.

4. Căn cứ khẳng định đã từng sử dụng trái phép các chất ma túy đối với trường hợp quy định tại khoản 13 Điều 4 Quyết định về đặc xá năm 2026 là các tài liệu có trong hồ sơ phạm nhân và hồ sơ thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù (đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù) như: Bản án; Cáo trạng; các tài liệu của Cơ quan điều tra; kết quả xét nghiệm của cơ quan y tế; bản tự khai của phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thừa nhận là đã sử dụng trái phép các chất ma túy có ghi rõ thời gian, số lần đã sử dụng chất ma túy...; phiếu khám sức khỏe của cơ sở giam giữ, cơ sở giam giữ phạm nhân; các tài liệu khác của cơ sở giam giữ phạm nhân hoặc cơ quan chức năng xác định phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đã từng sử dụng trái phép chất ma túy.

IV. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC XÉT ĐẶC XÁ

1. Hồ sơ đề nghị đặc xá

a) Hồ sơ đề nghị đặc xá bao gồm các văn bản, tài liệu quy định tại Điều 5 Nghị định số 52. Ngoài ra, một số trường hợp cụ thể phải có các văn bản, tài liệu sau:

- Phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có tiền án nhưng đã được xóa án tích phải có một trong các tài liệu sau đây chứng minh đã được xóa án tích: Giấy chứng nhận hoặc quyết định xóa án tích của Tòa án có thẩm quyền cấp cho người có tiền án được xóa án tích; bản án ghi là có tiền án nhưng đã được xóa án tích; phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp hoặc cơ quan Công an có thẩm quyền cấp;

- Phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 3 Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 phải có đơn của gia đình phạm nhân hoặc đơn của người đang được tạm đình chỉ trình bày hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và bản thân phạm nhân hoặc người đang được tạm đình chỉ là lao động duy nhất trong gia đình (trình bày rõ hoàn cảnh cụ thể từng thành viên của gia đình gồm: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con, anh, chị, em ruột sinh năm nào? đang ở đâu? làm gì?). Đơn phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gia đình phạm nhân, gia đình người đang được tạm đình chỉ cư trú xác nhận là đúng (không chấp nhận những đơn không có nội dung xác nhận này của Ủy ban nhân dân cấp xã);

- Người bị kết án phạt tù được tặng thưởng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân phải có bản sao quyết định tặng thưởng.

Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu được sao từ bản chính hoặc bản sao có giá trị sử dụng thay bản chính của những văn bản như: Bản án,

bệnh án, kết luận giám định y khoa, các loại tài liệu xác nhận việc thực hiện hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác và các tài liệu khác liên quan đến các điều kiện được đề nghị đặc xá của người bị kết án phạt tù. Khi trình danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá để Tổ thẩm định liên ngành nghiên cứu, thẩm định, phải có bản chính hoặc bản sao có giá trị sử dụng thay bản chính của những tài liệu này để kiểm tra, đối chiếu.

Các tài liệu xác nhận việc thực hiện hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, nghĩa vụ dân sự khác phải thể hiện việc đã thực hiện xong trước thời điểm phạm nhân viết đơn đề nghị đặc xá trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Đặc xá.

b) Danh sách, hồ sơ, thống kê phạm nhân được đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam và danh sách, hồ sơ, thống kê người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu được làm thành 04 (bốn) bộ đóng dấu đỏ để Tổ thẩm định liên ngành thẩm định.

Sau khi thẩm định xong, 01 (một) bộ có dấu đỏ cùng đầy đủ các tài liệu chứng minh gốc hoặc bản sao có công chứng của cơ quan có thẩm quyền được lưu tại trại giam, trại tạm giam, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu.

Hồ sơ tài liệu chuyển về Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị đặc xá cho phạm nhân:

+ 03 (ba) bộ có dấu đỏ gồm có các tài liệu sau: Biên bản thẩm định danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá của Tổ thẩm định liên ngành; biên bản họp Hội đồng xét đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam; thống kê số liệu người được đề nghị đặc xá; phiếu đề nghị đặc xá cho phạm nhân; đơn đề nghị đặc xá, bản cam kết; văn bản đề nghị đặc xá cho phạm nhân của trại giam, trại tạm giam nhận phạm nhân trích xuất nhưng không quản lý hồ sơ gốc của phạm nhân (áp dụng đối với trường hợp phạm nhân trích xuất); các tài liệu liên quan đến điều kiện đề nghị đặc xá của phạm nhân theo quy định của Nghị định số 52 và Hướng dẫn này; danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Giám thị trại giam thuộc Bộ Công an, Chánh Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an, Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng lập theo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành (theo mẫu).

+ 09 (chín) bộ khác gồm có các tài liệu: Biên bản thẩm định danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá của Tổ thẩm định liên ngành; biên bản họp Hội đồng xét đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam; Phiếu đề nghị đặc xá cho phạm

nhân; tài liệu chứng minh phạm nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 (nếu có); các loại danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá như đã nêu trên.

+ Đối với những trường hợp mà Tổ thẩm định liên ngành đã thẩm định và có ý kiến là không đủ điều kiện đề nghị đặc xá phải làm thành 12 (mười hai) bộ hồ sơ riêng, trong đó có 03 (ba) bộ dấu đỏ, gồm các tài liệu sau: Biên bản thẩm định danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá của Tổ thẩm định liên ngành; danh sách người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Tổ thẩm định liên ngành lập; danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá do Giám thị trại giam thuộc Bộ Công an, Chánh Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an, Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng lập, gửi Tổ thẩm định liên ngành kèm theo Phiếu đề nghị đặc xá và các tài liệu khác giống như hồ sơ người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá đã nêu; danh sách người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Giám thị trại giam thuộc Bộ Công an, Chánh Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an, Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng lập theo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành.

- Hồ sơ đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được lập thành 12 bộ (03 bộ dấu đỏ, 09 bộ photo). Tài liệu có trong hồ sơ gồm: Biên bản thẩm định danh sách, hồ sơ đề nghị đặc xá của Tổ thẩm định liên ngành; phiếu đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; đơn đề nghị đặc xá, bản cam kết; các tài liệu liên quan đến điều kiện đề nghị đặc xá của người đang được tạm đình chỉ theo quy định của Nghị định số 52 và Hướng dẫn này; bản sao bản án và Quyết định thi hành án phạt tù; danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu lập theo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định liên ngành (theo mẫu).

Đối với những trường hợp mà Tổ thẩm định liên ngành thẩm định và có ý kiến là không đủ điều kiện đề nghị đặc xá, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải làm thành 12 (mười hai) bộ hồ sơ riêng. Cách lập hồ sơ, danh sách tương tự như cách lập hồ sơ, danh sách của phạm nhân không đủ điều kiện đề nghị đặc xá đã nêu ở trên.

2. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá.

a) Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá được thực hiện theo quy định của điểm đ khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, Điều 7 Nghị định số 52.

- Đối với việc niêm yết, phổ biến Quyết định về đặc xá năm 2026 cho phạm nhân biết, Hội đồng tư vấn đặc xá hướng dẫn cụ thể như sau:

Ngay sau khi Quyết định về đặc xá năm 2026 được công bố, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Văn phòng Chủ tịch nước sao gửi Quyết định về đặc xá năm 2026 cho Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá để kịp thời chuyển đến các trại giam, trại tạm giam niêm yết, phổ biến cho phạm nhân biết.

- Đối với việc lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá đang chấp hành án tại trại tạm giam thuộc Bộ Công an, trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh và trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng để gửi Tổ thẩm định liên ngành, Hội đồng tư vấn đặc xá hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Sau khi nhận được hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Giám thị trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh báo cáo, Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Bộ Công an, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh kiểm tra, xem xét và lập danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện đề nghị đặc xá để gửi Tổ thẩm định liên ngành;

+ Sau khi nhận được hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá do Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu báo cáo, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng kiểm tra, xem xét và lập danh sách, hồ sơ người đủ điều kiện đề nghị đặc xá để gửi Tổ thẩm định liên ngành.

b) Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt:

- Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn các trại giam, trại tạm giam lập hồ sơ đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với phạm nhân đang chấp hành án phạt tù mà có yêu cầu đối nội, đối ngoại;

- Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp lập hồ sơ, danh sách đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt đối với người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đề nghị đặc xá mà có yêu cầu đối nội, đối ngoại hoặc người đang được hoãn chấp hành án phạt tù mà có yêu cầu đối nội, đối ngoại; tập hợp hồ sơ, danh sách người đang được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt trình các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt;

- Chính phủ chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan xét duyệt hồ sơ của người được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị để lập hồ sơ, danh sách người được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

3. Thẩm định hồ sơ đề nghị đặc xá

Tổ thẩm định liên ngành có trách nhiệm giúp Hội đồng tư vấn đặc xá nghiên cứu, thẩm định danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá theo quy định tại Điều 16 Luật Đặc xá và Điều 8 Nghị định số 52.

4. Thẩm tra, duyệt, kiểm tra hồ sơ đề nghị đặc xá và trình Chủ tịch nước danh sách đề nghị đặc xá thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Đặc xá.

5. Quản lý tài liệu, hồ sơ, danh sách và số liệu người được đề nghị xét đặc xá.

a) Tài liệu, hồ sơ, danh sách và số liệu phạm nhân được đề nghị xét đặc xá sau khi Tổ thẩm định liên ngành kiểm tra, thẩm định thuộc loại tài liệu được quản lý, sử dụng theo chế độ "MẬT" đến khi Giám thị trại giam, trại tạm giam tổ chức công bố Quyết định đặc xá năm 2026 của Chủ tịch nước.

Cán bộ, chiến sỹ, chuyên viên, nhân viên của các bộ, ban, ngành tham gia công tác đặc xá phải chấp hành nghiêm chỉnh việc quản lý, sử dụng hồ sơ và danh sách người được đề nghị đặc xá theo chế độ "MẬT". Những người vi phạm phải xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Hồ sơ xét đề nghị đặc xá của phạm nhân phải đầy đủ tài liệu, nội dung ghi trong hồ sơ phải thống nhất, rõ ràng và đúng thủ tục quy định về đặc xá. Nếu để sai lệch các dữ liệu ghi trong hồ sơ đề nghị đặc xá so với hồ sơ gốc hoặc do lỗi kỹ thuật, sau khi thẩm định để lại không đề nghị đặc xá cho phạm nhân có đủ điều kiện hoặc do làm sai lệch hồ sơ và đề nghị đặc xá cho người không có đủ điều kiện thì Giám thị trại giam, trại tạm giam, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu đã lập hồ sơ phải chịu trách nhiệm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các bộ, ban, ngành

a) Bộ Công an là Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá có trách nhiệm:

- Thành lập Ban Chỉ đạo về đặc xá của Bộ Công an để tổ chức thực hiện Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 và Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá; giúp Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Công an các địa phương, Giám thị các trại giam, trại tạm giam triển khai thực hiện Quyết định về đặc xá năm 2026 của Chủ tịch nước và Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá; chỉ đạo thành lập Hội đồng xét đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam;

- Quyết định thành lập các Tổ chuyên viên giúp việc cho thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá; quyết định thành lập các Tổ thẩm định liên ngành gồm

đại diện của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do một lãnh đạo cấp Cục của Bộ Công an làm Tổ trưởng, trực tiếp đến các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng và Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu để kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị đặc xá;

- Bố trí chương trình, thời gian và chuẩn bị nội dung, tài liệu, hồ sơ các cuộc họp của Hội đồng tư vấn đặc xá;

- Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện;

- Khi được Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá ủy quyền, Ủy viên Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá được triệu tập cuộc họp để lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng về những vấn đề khẩn cấp và chỉ đạo, giải quyết những vấn đề cụ thể khác nảy sinh trong quá trình thực hiện Quyết định về đặc xá năm 2026;

- Quy định các biểu mẫu để thực hiện công tác đặc xá năm 2026 trong lực lượng Công an nhân dân;

- Chỉ đạo việc lập hồ sơ xét, đề nghị đặc xá cho phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an; chỉ đạo việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị đặc xá của các Tổ thẩm định liên ngành và thẩm tra đề nghị đặc xá của các Tổ chuyên viên giúp việc cho thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá;

- Chỉ đạo các trại giam, trại tạm giam thực hiện tốt việc vận động, hướng dẫn và tạo điều kiện cho phạm nhân liên lạc với thân nhân của họ, đôn đốc việc thực hiện hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại hoặc các nghĩa vụ dân sự khác tại cơ quan thi hành án dân sự; thu các khoản tiền mà phạm nhân là người phải thi hành án dân sự hoặc thân nhân của họ tự nguyện nộp tại trại giam, trại tạm giam (nếu có) để thi hành án theo quyết định thi hành án dân sự và quyết định của bản án hình sự, cấp giấy xác nhận cho phạm nhân làm căn cứ đưa vào hồ sơ xét đề nghị đặc xá và chuyển số tiền đó cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao hoàn chỉnh hồ sơ, danh sách người được Hội đồng tư vấn đặc xá xét duyệt, đề nghị đặc xá để báo cáo Chủ tịch Hội đồng trình Chủ tịch nước quyết định, gồm dự thảo Tờ trình và 07 (bảy) bộ danh sách phạm nhân được đề nghị đặc xá (có đóng dấu của Bộ Công an);

- Đối với những người đã được Hội đồng tư vấn đặc xá xét duyệt, đề nghị đặc xá hoặc đã có Quyết định đặc xá mà chết trước khi công bố thì Ủy

viên Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá đưa ra khỏi danh sách đặc xá, sau đó báo cáo Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá, đồng thời thông báo cho Văn phòng Chủ tịch nước để báo cáo Chủ tịch nước biết.

Đối với những người đã được Hội đồng tư vấn đặc xá đề nghị đặc xá mà có đơn khiếu nại, tố cáo, có dấu hiệu nghi vấn và xác định không đủ điều kiện hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân thì Ủy viên Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá kịp thời báo cáo Văn phòng Chủ tịch nước đưa ra khỏi danh sách đề nghị đặc xá. Trường hợp tương tự như đã nêu mà đã có Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước nhưng chưa công bố thì Ủy viên Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá quyết định dừng ngay việc thi hành và chỉ đạo giải quyết, kiểm tra làm rõ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá và Chủ tịch nước (qua Văn phòng Chủ tịch nước);

- Tổng hợp và chuyển danh sách phạm nhân đã được Hội đồng xét, đề nghị đặc xá của trại giam, trại tạm giam đồng ý đề nghị đặc xá theo nơi về cư trú để Giám đốc Công an cấp tỉnh chủ động rà soát và chỉ đạo việc tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá tái hòa nhập cộng đồng.

- Rà soát cập nhật thông tin về thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại đối với những phạm nhân đã có quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đợt 30/4/2026 có hiệu lực vào danh sách phạm nhân đã được Hội đồng tư vấn đặc xá đồng ý đề nghị đặc xá để Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước duyệt, ký.

Khi có Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước, thông báo và chuyển cho Giám đốc Công an cấp tỉnh danh sách người được đặc xá theo từng địa phương (cấp xã), đồng thời chỉ đạo Công an cấp tỉnh tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tiếp nhận, quản lý, giám sát, giúp đỡ người được đặc xá tái hòa nhập cộng đồng;

- Chỉ đạo, tổ chức Lễ công bố Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước cho phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam theo nghi lễ nghiêm trang;

- Phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức tha số phạm nhân là người nước ngoài được đặc xá;

- Tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, các tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến đặc xá; trả lời bằng văn bản cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có đơn khiếu nại về trường hợp không được đặc xá theo đúng lý do của thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá để lại;

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và các cơ quan, đơn vị chức năng lập kế hoạch tuyên truyền,

giới thiệu nội dung Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tham mưu cho Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

- Tổng kết công tác đặc xá năm 2026;

- Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh và các trại giam, trại tạm giam xét, đề nghị khen thưởng; chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đề xuất Nhà nước, Chính phủ khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác đặc xá năm 2026;

- Bố trí kinh phí phục vụ công tác đặc xá năm 2026;

- Làm các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác đặc xá do Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá giao.

b) Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

- Thành lập Ban Chỉ đạo về đặc xá của Bộ Quốc phòng để tổ chức thực hiện Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 và Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá; chỉ đạo các trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý và Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá; quy định biểu mẫu để thực hiện xét, đề nghị đặc xá cho phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý;

- Chỉ đạo các trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý, hướng dẫn phạm nhân thông báo cho thân nhân của họ chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, nộp án phí, thi hành nghĩa vụ trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại, các nghĩa vụ dân sự khác tại Cơ quan thi hành án dân sự;

- Sau khi Tổ thẩm định liên ngành của Hội đồng tư vấn đặc xá kiểm tra, thẩm định xong hồ sơ đề nghị đặc xá của Bộ Quốc phòng cho phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng chuyển hồ sơ, danh sách về Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá (Bộ Công an) để tổng hợp, trình Hội đồng tư vấn đặc xá xét duyệt;

- Bố trí kinh phí cho các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện công tác đặc xá năm 2026;

- Chỉ đạo, tổ chức Lễ công bố đặc xá tha tù theo Quyết định của Chủ tịch nước ở các trại giam, trại tạm giam do Bộ Quốc phòng quản lý.

c) Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm sao gửi Quyết định về đặc xá năm 2026 cho Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá để chuyển cho các cơ sở giam giữ phạm nhân niêm yết:

- Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá rà soát, kiểm tra danh sách, hồ sơ người được Hội đồng tư vấn đề nghị đặc xá, trình Chủ tịch nước quyết định;

- Ngay sau khi có Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước, làm thủ tục chuyển cho Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá 02 bản Quyết định cùng 02 (hai) bộ danh sách người được đặc xá và sao gửi Quyết định đặc xá để kịp thời tổ chức Lễ công bố Quyết định của Chủ tịch nước theo đúng quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao tổ chức họp báo công bố Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước.

d) Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá xây dựng dự thảo Công điện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, giúp Hội đồng tư vấn đặc xá tổ chức triển khai thực hiện Quyết định về đặc xá năm 2026 của Chủ tịch nước; thẩm tra, hoàn chỉnh danh sách, hồ sơ và văn bản các cuộc họp trình Chủ tịch Hội đồng tư vấn đặc xá báo cáo Chủ tịch nước quyết định.

đ) Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Tòa án các cấp thực hiện đặc xá theo quy định của Luật Đặc xá và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Chỉ đạo, hướng dẫn Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp lập hồ sơ, danh sách đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đủ điều kiện đề nghị đặc xá để gửi Tổ thẩm định liên ngành; quy định biểu mẫu để thực hiện xét, đề nghị đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

- Phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá tập hợp hồ sơ, danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đủ điều kiện được đề nghị đặc xá và hồ sơ, danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đề nghị đặc xá để gửi các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá thẩm tra; tổng hợp kết quả thẩm tra của thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá và lập danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đủ điều kiện được đề nghị đặc xá, danh sách người đang được

tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không đủ điều kiện đề nghị đặc xá để trình Hội đồng tư vấn đặc xá xét duyệt;

- Phối hợp với Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá, Văn phòng Chính phủ hoàn chỉnh hồ sơ, danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được Hội đồng tư vấn đặc xá xét duyệt, đề nghị đặc xá để báo cáo Chủ tịch Hội đồng trình Chủ tịch nước quyết định gồm 07 (bảy) bộ danh sách người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá, có đóng dấu của Tòa án nhân dân tối cao;

- Phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao và chỉ đạo Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp lập danh sách, thông báo kịp thời cho Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá và các trại giam, trại tạm giam biết những phạm nhân đang có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Hướng dẫn Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước theo quy định Luật Đặc xá và Hướng dẫn của Hội đồng tư vấn đặc xá.

e) Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:

- Trực tiếp kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Đặc xá;

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự Quân khu kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Đặc xá;

- Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp phối hợp với Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp phát hiện những phạm nhân có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự để thông báo kịp thời cho các trại giam, trại tạm giam và Cơ quan Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá biết;

- Thực hiện, hướng dẫn việc thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị khi kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá, thực hiện Quyết định đặc xá; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 37 của Luật Đặc xá.

g) Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thi hành án dân sự thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đặc xá và điểm i khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các cơ quan, tổ chức

có liên quan thực hiện các quy định của Luật Đặc xá và Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026.

h) Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chủ động nắm tình hình và phối hợp với Bộ Công an kiến nghị danh sách phạm nhân là người nước ngoài và các trường hợp khác có thể được đặc xá để phục vụ yêu cầu đối ngoại; phối hợp với các bộ, ban, ngành có liên quan để tuyên truyền đối ngoại về công tác đặc xá; phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện Quyết định đặc xá đối với người nước ngoài.

i) Bộ Y tế có trách nhiệm chỉ đạo các Sở Y tế, các bệnh viện, trung tâm y tế tổ chức giám định, cung cấp các loại giấy tờ về bệnh tật của phạm nhân có liên quan đến việc đề nghị đặc xá.

k) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí thông tin tuyên truyền Quyết định của Chủ tịch nước về đặc xá năm 2026 trên các phương tiện thông tin đại chúng; chỉ đạo các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tuyên truyền về đặc xá, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân trong việc xóa bỏ thái độ kỳ thị đối với người được đặc xá và quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ họ ổn định cuộc sống, tránh tái phạm tội.

l) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, phổ biến chủ trương về đặc xá năm 2026; phối hợp với chính quyền địa phương cùng cấp tiếp tục giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá tái hòa nhập cộng đồng, tạo việc làm, ổn định cuộc sống và trở thành người có ích cho xã hội, phòng ngừa tái phạm tội và vi phạm pháp luật; giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc thực hiện công tác đặc xá năm 2026 theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

m) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định về đặc xá năm 2026 của Chủ tịch nước và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Chỉ đạo cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nhân thân; cấp giấy chứng nhận, xác nhận về hoàn cảnh gia đình hoặc các giấy tờ, tài liệu cần thiết khác của người được đề nghị đặc xá;

- Tổ chức xây dựng chương trình, kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức xã hội ở địa phương thực hiện có hiệu quả Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

- Bố trí kinh phí thực hiện công tác đặc xá năm 2026 tại địa phương mình.

2. Thời gian thực hiện

a) Từ ngày 22/4/2026 đến ngày 02/5/2026, các Tổ thẩm định liên ngành đến trực tiếp các đơn vị, địa phương để kiểm tra, thẩm định hồ sơ, danh sách đề nghị xét đặc xá.

b) Từ ngày 26/4/2026 đến ngày 10/5/2026, Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá tổng hợp hồ sơ, danh sách chuyển đến các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá nghiên cứu, thẩm tra.

c) Từ ngày 10/5/2026 đến ngày 20/5/2026, Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá, Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá và chuẩn bị hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện đề nghị đặc xá, danh sách người không đủ điều kiện đề nghị đặc xá để trình Hội đồng tư vấn họp xét duyệt.

d) Từ ngày 24/5/2026 đến ngày 26/5/2026, Hội đồng tư vấn đặc xá họp xét duyệt danh sách đặc xá.

đ) Từ ngày 27/5/2026 đến ngày 28/5/2026, Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá tổng hợp, hoàn chỉnh danh sách đặc xá trình Chủ tịch nước quyết định.

e) Tổ chức họp báo công bố Quyết định đặc xá của Chủ tịch nước vào ngày 30/5/2026.

g) Tổ chức tha người được đặc xá theo Quyết định của Chủ tịch nước vào ngày 01/6/2026.

3. Khen thưởng, kỷ luật

a) Công tác đặc xá phải được sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời cho những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích theo quy định hiện hành về khen thưởng.

b) Cần phát hiện, ngăn chặn kịp thời những sai sót, lệch lạc trong công tác đặc xá để chấn chỉnh ngay; xử lý nghiêm minh những tập thể và cá nhân có hành vi vi phạm Điều 7 Luật Đặc xá. Cơ quan, đơn vị để xảy ra sai sót, tiêu cực, gây phiền hà trong công tác đặc xá thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Hội đồng tư vấn đặc xá.

c) Những trường hợp đủ điều kiện phải được lập hồ sơ đề nghị đặc xá theo quy định. Cá nhân, đơn vị nào để sót, không lập hồ sơ đề nghị đặc xá những người thuộc diện xét đặc xá hoặc lập hồ sơ đề nghị đặc xá cho người không đủ điều kiện thì cá nhân và Thủ trưởng đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng tư vấn đặc xá.

Căn cứ vào Hướng dẫn này, các bộ, ngành, cơ quan có liên quan đến công tác đặc xá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải kịp thời báo cáo bằng văn bản về Hội đồng tư vấn đặc xá (qua Cơ quan giúp việc Thường trực Hội đồng tư vấn đặc xá - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an) để hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các thành viên HĐTVĐX;
- Cục C10 (Bộ Công an);
- Cơ quan quản lý THAHS Bộ Quốc phòng;
- Cơ quan THAHS Công an cấp tỉnh;
- Cơ quan THAHS cấp quân khu;
- Các trại giam, trại tạm giam;
- Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
- Tòa án quân sự cấp quân khu;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: NC, TH, PL, TGD, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, HĐTVĐX (2b). **400**



CHỦ TỊCH

PHÓ THỦ TƯỚNG
Phạm Gia Túc